

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 252/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên hòa giải đồng ý bằng văn bản, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thành V**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ M, ấp Ph, xã Ph, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: - Chị Dương Mỹ L, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp Trường Xuân B, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Lê Thụy Cẩm Thúy, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp Bình Thọ Thượng, xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: 1. Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1971

2. Anh **Nguyễn Hoàng Ph**, sinh năm 1974

3. Anh **Nguyễn Tân N**, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Tổ M, ấp Ph, xã Ph, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1970

2. Chị Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh năm 2002

3. Anh Nguyễn Trọng Nh, sinh năm 2004

Cùng địa chỉ: Tổ M, ấp Ph, xã Ph, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1978

5. Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 2000

6. Anh Nguyễn Đăng Kh, sinh năm 2004

Cùng địa chỉ: Tổ M, ấp Ph, xã Ph, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

7. Chị Nguyễn Ái Khánh Huỳnh Nh1, sinh năm 1999

8. Chị Nguyễn Vân A, sinh năm 2004

Cùng địa chỉ: Tổ M, ấp Ph, xã Ph, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Thành V, chị Dương Mỹ L – người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Thành V, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Hoàng Ph, anh Nguyễn Tân N thống nhất là:

- Xác định phần đất thuộc thửa số 1401, tờ bản đồ số 02, diện tích 900m² (đo đạc thực tế 864m²) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0019800QSDĐ ngày 22/4/1998 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho ông Nguyễn Văn V1 đứng tên; phần đất thuộc thửa đất 1144, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.270m² (đo đạc thực tế 3.229,7m²) và thửa đất số 1216, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.400m² (đo đạc thực tế 4.483,3m²) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0018480QSDĐ ngày 20/5/1997 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp do ông Nguyễn Văn V1 đứng tên tọa lạc tại Tổ M, ấp Ph, xã Ph, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế do ông Nguyễn Văn V1 và bà Lê Thị B để lại.

- Anh Nguyễn Thành V, chị Dương Mỹ L – người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Thành V, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Hoàng Ph, anh Nguyễn Tân N thống nhất phân chia như sau:

+ Chia cho anh Nguyễn Thành V quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa số 1401, tờ bản đồ số 02, diện tích 900m² (đo đạc thực tế 864m²) tại Tổ M, ấp Ph, xã Ph, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0019800QSDĐ ngày 22/4/1998 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho ông Nguyễn Văn V1 đứng tên. Với tứ cận:

Đông giáp đất phân lô.

Tây giáp mương thoát nước.

Nam giáp đất ông Nguyễn Văn Đ.

Bắc giáp đất phân lô.

(theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 12/6/2021 của công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom)

+ Chia cho anh Nguyễn Hoàng Ph quản lý, sử dụng phần đất có vị trí S1 diện tích 1.768,4m² và vị trí S2 diện tích 797m² thuộc thửa đất số 1216, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.400m² (đo đạc thực tế 4.483,3m²) tại Tổ M, ấp Ph, xã Ph, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0018480QSDĐ ngày 20/5/1997 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp do ông Nguyễn Văn V1 đứng tên. Với tứ cận:

Đông giáp mương thoát nước chung (S4).

Tây giáp đường đất.

Nam giáp đất được chia của anh Nguyễn Tân N.

Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn D, ông Ngô Văn U.

Và phần đất diện tích $10\text{m} \times 32,12\text{m} = 321,2\text{m}^2$ có vị trí S5 diện tích $936,4\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 1144, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.270m^2 (đo đạc thực tế $3.229,7\text{m}^2$) tại Tổ M, ấp Ph, xã Ph, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0018480QSDĐ ngày 20/5/1997 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp do ông Nguyễn Văn V1 đứng tên. Với tứ cận:

Đông giáp đường đá.

Tây giáp đất ông Ngô Văn U.

Nam giáp phần đất được chia của anh Nguyễn Tân N.

Bắc giáp đường đá.

+ Chia cho anh Nguyễn Tân N quản lý, sử dụng phần đất có vị trí S3 diện tích 1.811m^2 thuộc thửa đất số 1216, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.400m^2 (đo đạc thực tế $4.483,3\text{m}^2$) tại Tổ M, ấp Ph, xã Ph, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0018480QSDĐ ngày 20/5/1997 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp do ông Nguyễn Văn V1 đứng tên. Với tứ cận:

Đông giáp đường đá.

Tây giáp đường đá.

Nam giáp đất đường đá.

Bắc giáp đất được chia của anh Nguyễn Hoàng Ph.

Và phần đất diện tích $10\text{m} \times 32,12\text{m} = 321,2\text{m}^2$ có vị trí S5 diện tích $936,4\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 1144, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.270m^2 (đo đạc thực tế $3.229,7\text{m}^2$) tại Tổ M, ấp Ph, xã Ph, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0018480QSDĐ ngày 20/5/1997 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp do ông Nguyễn Văn V1 đứng tên. Với tứ cận:

Đông giáp đường đá.

Tây giáp đất ông Ngô Văn U.

Nam giáp phần đất được chia của anh Nguyễn Văn H.

Bắc giáp đất được chia của anh Nguyễn Hoàng Ph.

+ Chia cho anh Nguyễn Văn H quản lý, sử dụng phần đất có vị trí S6 diện tích $2.159,4\text{m}^2$; phần đất có vị trí S8 diện tích $76,2\text{m}^2$ và phần đất $8,63\text{m} \times 31,29\text{m} = 270,03\text{m}^2$ có vị trí S5 thuộc thửa đất số 1144, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.270m^2 (đo đạc thực tế $3.229,7\text{m}^2$) tại Tổ M, ấp Ph, xã Ph, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0018480QSDĐ ngày 20/5/1997 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp do ông Nguyễn Văn V1 đứng tên. Với tứ cận:

Đông giáp đường bê tông.

Tây giáp phần đất mương thoát nước chung (S4).

Nam giáp đất đường đá.

Bắc giáp đất được chia của anh Nguyễn Tân N.

- Xác định phần đất S4 diện tích $106,9\text{m}^2$ thuộc thửa số 1216 làm mương

thoát nước chung và phần đất S7 diện tích 57,7m² thuộc thửa số 1144 làm lối đi chung cho các đồng thừa kế là anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Tân N, anh Nguyễn Hoàng Ph.

(theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 12/6/2021 của công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom).

- Đối với các công trình trên đất (nhà, chuồng...) và cây trái trên đất thì anh V, anh H, anh N, anh Ph thống nhất là người được chia đất được tiếp tục quản lý, sở hữu và các đương sự thống nhất không yêu cầu bồi hoàn giá trị các công trình, công sức đầu tư và giá trị cây trái trên các phần đất tranh chấp.

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- *Về chi phí thu thập chứng cứ, thẩm định và định giá:* Anh Nguyễn Thành V, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Hoàng Ph, anh Nguyễn Tân N mỗi người tự nguyện chịu 9.233.000 đồng. Anh V đã nộp tạm ứng 36.933.000 đồng nên anh H, anh Ph, anh N mỗi người phải hoàn trả lại anh V số tiền 9.233.000 đồng.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên chịu 50% mức án phí theo quy định pháp luật.

Anh Nguyễn Thành V tự nguyện chịu 49.005.000 đồng. Anh V đã nộp 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0002092 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho nên còn phải nộp tiếp số tiền 44.005.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn H tự nguyện chịu 46.607.000 đồng.

Anh Nguyễn Tân N tự nguyện chịu 37.986.000 đồng.

Anh Nguyễn Hoàng Ph tự nguyện chịu 38.402.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Mỹ Tho;
- CC THADS TP. Mỹ Tho;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Nhật